

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 74/2023/DS-PT
Ngày 04 tháng 4 năm 2023
V/v Tranh chấp QSDĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quang Khang**

Các Thẩm phán: Bà **Huỳnh Thị Kiều Anh**

Bà **Giang Thị Cẩm Thúy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Minh Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Hồng Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 198/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn: Ông **Đỗ Thanh H**, sinh năm 1962 và bà **Trần Thị T**, sinh năm 1966. Cùng địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T: Ông **Đỗ Thanh H**, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Theo văn bản ủy quyền ngày 23/7/2019.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị T1**, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh **Đỗ Thanh D**, sinh năm 1990.

3.2. Anh **Đỗ Văn Q**, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3.3. Bà **Đỗ Thị Tú Ng**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

*Người đại diện theo ủy quyền của anh Đỗ Thanh Di, anh Đỗ Văn Quý, bà Đỗ Thị Tú Nguyên: Ông **Đỗ Thanh H**, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Theo văn bản ủy quyền ngày 23/7/2019 (có mặt).*

3.4. Bà **Đỗ Tuyết H**, sinh năm 1978.

3.5. Ông **Đỗ Phương B**, sinh năm 1983.

3.6. Ông **Đỗ Văn P**, sinh năm 1989.

3.7. Ông **Đỗ Minh Đ**, sinh năm 1990.

3.8. Bà **Đỗ Thị N**, sinh năm 1984.

3.9. Bà **Đỗ Thị H**, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông **Đỗ Thanh H**.

(ông Đỗ Thanh H có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2018 và ngày 17/12/2021 và quá trình giải quyết vụ án, ông Đỗ Thanh H trình bày: Vợ chồng ông H, bà T yêu cầu bà T1 trả hai phần đất, cụ thể như sau:

Phần đất thứ nhất: Ông H và bà T có phần đất ruộng cấp ranh với đất của vợ chồng bà T1. Giáp đất ông, bà với đất bà T1 có bờ ruộng chiều ngang khoảng 1,2m, dài 34m, cao khoảng 0,35m. Ông H và bà T xác định, cái bờ này hoàn toàn thuộc về đất của ông H, bà T. Quá trình sử dụng, gia đình ông, bà và gia đình bà T1 cùng sử dụng chung để đi lại. Vào năm 2018, ông L chồng bà T1 thuê máy cuốc một phần bờ có chiều ngang 0,8m, dài 34m, cao 0,35m, đất tọa lạc ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Ngay sau đó, ông H và bà T có báo chính quyền địa phương trực tiếp xuống hiện trường. Phần đất này thuộc hoàn toàn thửa đất 143 do ông H đứng tên quyền sử dụng đất năm 2005. Nguồn gốc phần đất tranh chấp do ông H nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn K. Do đó, ông H và bà T yêu cầu bà T1 đáp trả một phần cái bờ có diện tích nêu trên và cả hai gia đình cùng sử dụng chung; Trường hợp bà T1 không đáp trả cái bờ thì ông H và bà T thuê người đắp bờ và bà T1 phải trả cho vợ chồng ông H, bà T tiền thuê người đắp lại cái bờ có kích thước nêu trên với số tiền 600.000 đồng. Phần bờ mà ông L cuốc vào năm 2018 hiện do bà T1 sử dụng.

Phần đất tranh chấp thứ hai: Vào năm 2018, bà T1 có hành vi lấn chiếm đất của gia đình ông H, bà T. Cụ thể, bà T1 lấy bạch đàn, chuối, dừa trồng qua phần đất của gia đình ông H, bà T. Diện tích lấn chiếm có chiều ngang 0,6m, dài 40m, đất tọa lạc ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất này hoàn toàn thuộc quyền sử dụng đất của ông H, bà T được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lợi cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất năm 2005. Nguồn gốc phần đất tranh chấp ông H nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn Bộn vào năm 1990 và ông H, bà T sử dụng liên tục từ năm 1990 đến năm 2018. Cũng trong năm 2018, bà T1 lấn chiếm đất và sử dụng cho đến nay.

Để chứng minh hai phần đất tranh chấp của ông H và bà T, ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H yêu cầu Tòa án xác minh ông Nguyễn Văn E, ông Trần Văn H, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn H trưởng ấp B, xã C, huyện V, ông Nguyễn Văn Yên địa chính xã Châu Thới, ông Trần Văn T cán bộ tư pháp xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi. Các con ông gồm anh Q, anh D và chị Ng thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông H và bà T.

Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn bà Trần Thị T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Tuyết H, ông Đỗ Phương B, ông Đỗ Văn P, ông Đỗ Minh Đ, bà Đỗ Thị N, bà Đỗ Thị H. Vì Tòa án có triệu tập nhưng những người nêu trên không đến, Tòa án đến nhà lấy lời khai thì bà T1, bà H, ông B, ông P, ông Đ, bà N, bà H không có nhà nên không ghi nhận được ý kiến.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, 42, 47, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thanh H, bà Trần Thị T đối với bà Trần Thị T1 về việc đắp lại một phần bờ ruộng có chiều ngang 0,8m, dài 34m, cao 0,35m, tọa lạc ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp phần đất ông Đỗ Thanh H đang quản lý sử dụng thửa 143;

Hướng Tây giáp phần đất bà Trần Thị T1 đang quản lý, sử dụng một phần thửa 186;

Hướng Nam giáp phần đất ông Đỗ Thanh H đang quản lý sử dụng thửa 143;

Hướng Bắc giáp đất ông Đỗ Thanh H đang quản lý sử dụng thửa 143;

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thanh H, bà Trần Thị T đối với bà Trần Thị T1 về việc tranh chấp Quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích ngang 0,6m, dài 40m, tọa lạc ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp phần đất ông Đỗ Thanh H đang quản lý sử dụng không tranh chấp (thửa 145 và thửa 562);

Hướng Tây giáp phần đất bà Trần Thị T1 đang quản lý, sử dụng thửa 146;

Hướng Nam giáp phần đất bà Trần Thị T1 đang quản lý thuộc một phần thửa 186;

Hướng bắc giáp đất ông H đang sử dụng thửa 145.

Ngày 26/8/2022, nguyên đơn ông Đỗ Thanh H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông đối với bà Trần Thị T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Đỗ Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Thanh H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 83/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Đỗ Thanh H trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Bị đơn bà Trần Thị T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Tuyết H, ông Đỗ Phương B, ông Đỗ Văn P, ông Đỗ Minh Đ, bà Đỗ Thị N, bà Đỗ Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Thanh H về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trần Thị T1 đắp lại một phần bờ ruộng có chiều ngang 0,8m, dài 34m, cao 0,35m và trả phần đất có diện tích ngang 0,6m, dài 40m; Đất tọa lạc ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[2.1] Đối với phần đất thứ nhất:

Ông Đỗ Thanh H xác định phần đất tranh chấp là một phần bờ ruộng thuộc quyền sử dụng của ông H nhưng ông L, bà T1 đã cuốc bờ và lấn chiếm phần đất có chiều ngang 0,8m, chiều dài 34m, chiều cao 0,35m. Do đó, ông H và bà T1 yêu cầu bà T1 có trách nhiệm đắp trả lại một phần bờ có kích thước nêu trên thuộc quyền sử dụng đất của ông H, bà T. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông H, bà T đã cung cấp biên bản hòa giải thành được lập ngày 30/5/2018 do Tổ Hòa giải ấp Bào Sen thực hiện. Theo nội dung biên bản hòa giải giữa ông H và ông L thống nhất xác định phần đất tranh chấp là cái bờ có chiều ngang 1,6 m, ông L đã đào một phần, ông L đồng ý đắp lại và chia ra mỗi bên có quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ cái bờ. Sau khi thống nhất Tổ hòa giải có nhắc nhở nhưng ông L không thực hiện.

Căn cứ Công văn số 104/TNMT ngày 02/8/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Lợi xác định: Qua đối chiếu các dữ liệu ông Đỗ Thanh H cung cấp về phần đất tranh chấp với bản đồ thành lập năm 1997, bản đồ chính quy đo đạc năm 2014 có thể thấy phần đất tranh chấp thuộc vào ranh thửa giữa thửa đất số 143 và thửa đất số 186, tờ bản đồ số 5 và không có cơ sở xác định phần đất tranh chấp thuộc về thửa số 143 hay thửa 186 tờ bản đồ số 5 thành lập năm 1997 có tỷ lệ 1:5000 còn phần đất tranh chấp có chiều ngang quá nhỏ chỉ 0,7m và 0.6m, nhỏ hơn nét mực phân ranh trên bản đồ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh đối với ông Nguyễn Văn E, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn H, ông Trần Văn H theo yêu cầu của ông H, bà T. Kết quả xác minh thể hiện: Ông Nguyễn Văn E và ông H đều xác định, trên thực tế ông L chồng bà T1 có cuộc một phần bờ (khoảng $\frac{1}{2}$ cái bờ), diện tích cuộc không đều nhau. Nhưng theo tập quán của việc canh tác đất ruộng (đất trồng lúa) thì mỗi người được $\frac{1}{2}$ bờ, và sử dụng chung để đi lại phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Riêng ông Lắm, ông Trần Văn H thì không rõ về phần đất tranh chấp.

Xét thấy, theo tập quán canh tác đất trồng lúa thì mỗi người được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ bờ ruộng. Mặc khác, tại biên bản ghi lời khai ngày 17/12/2021, ông H cũng xác định “việc tôi yêu cầu bà T1 đắp lại cái bờ có kích thước nêu trên thì tôi và bà T1 cùng sử dụng”. Từ đó, có căn cứ chứng minh phần đất tranh chấp không thuộc quyền sử dụng của cá nhân ông H, bà T.

[2.2] Đối với phần đất thứ hai:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông Đỗ Thanh H, bà Trần Thị T đã cung cấp biên bản hòa giải thành được lập ngày 27/11/2014 do Ủy ban Nhân dân xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi tiến hành hòa giải. Theo nội dung biên bản hòa giải: Ông H xác định vào năm 2006 ông có nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn Bộn một phần đất biên để nuôi cá, sau đó ông H cuốc và chừa lại cái bờ để làm ranh và đi lại. Đến tháng 6 năm 2014 ông L đem dừa trồng trên bờ ranh thuộc quyền sử dụng của ông H, ông H yêu cầu ông L di dời cây đã trồng và trả lại cho ông cái bờ có chiều ngang 0,3m và chiều dài 60m; Ông L xác định phần đất tranh chấp là của ông nên việc ông H trình bày ông L lấn ranh là không đúng. Sau khi được Tổ hòa giải động viên, giải thích ông H và ông L thống nhất thỏa thuận ranh đất của ông L là từ gốc cây bạch đàn, phần còn lại là của ông H. Tại đơn khởi kiện và các biên bản ghi lời khai ông H xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông H. Năm 2018, ông L, bà T1 đã trồng cây và lấn chiếm đất của ông H, bà T có chiều ngang 0,6 m, chiều dài 40 m nên ông H, bà T yêu cầu bà T1 có trách nhiệm di dời cây trồng trên đất và trả lại phần đất đã lấn chiếm cho ông H, bà T. Tuy nhiên, không có tài liệu, chứng cứ nào khác xác định diện tích đất như ông H trình bày thuộc quyền sử dụng của ông H.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2022, ông Nguyễn Văn E xác định: Vào thời gian nào ông E không nhớ, ông L và bà T1 có đem cây bạch đàn, cây dừa trồng ngay ranh đất giữa phần đất của gia đình ông H với đất ông L, ông (ông E) có hoà giải nội bộ gia đình, khuyên ông L dời cây trồng xa ranh vì cây lớn sẽ đe qua đất ông H, trên thực tế ông L không có trồng cây lấn qua đất của ông H. Hơn nữa, tại biên bản xác minh ngày 03/8/2022, ông Nguyễn Văn Y, cán bộ địa chính

xã Châu Thới; ông Trần Văn T, nguyên cán bộ tư pháp xã Châu Thới cùng xác định: Ngày 27/11/2014, Ủy ban nhân dân xã Châu Thới có tiến hành hòa giải phần đất tranh chấp ranh theo yêu cầu của ông H đối với ông L, bà T1. Ông H kiện ông L, bà T1 phần đất ngang 0,3m, dài 60m. Vị trí phần đất này cũng là phần đất hiện ông H kiện bà T1, có đều diện tích có thay đổi, hiện ông H kiện bà T1 chiều ngang 0,6m, dài 40m. Tại buổi hòa giải ngày 27/11/2014, ông H với ông L thỏa thuận với nhau, buổi hòa giải thành. Ông Yên và ông Tám trực tiếp xuống phần đất cặm trụ đá làm ranh theo sự thống nhất của các đương sự. Thời điểm cặm trụ đá, các cây trồng mà ông L trồng không nằm trên phần đất mà các bên thống nhất thuộc về gia đình ông H, chỉ có các nhánh cây có de qua phần đất của ông H. Sau đó, ông L chết, bà T1 không chặt các nhánh cây nên ông H tiếp tục khởi kiện đến nay.

Mặt khác, theo Công văn số 199/TNMT ngày 20/12/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Lợi xác định: Phần đất tranh chấp theo ông Đỗ Thanh H xác định do không đo đạc thực tế, cũng như chưa tổ chức Hội đồng xem xét, thẩm định nên không có cơ sở xác định phần đất tranh chấp thuộc thửa nào và các vấn đề khác có liên quan.

[3] Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định thì đương sự yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì phải cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp; Do ông Đỗ Thanh H và bà Trần Thị T yêu cầu bà Trần Thị T1 trả lại 02 phần đất nhưng không có chứng cứ chứng minh bà Trần Thị T1 đã lấn chiếm đất như ông H, bà T đã trình bày. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thanh H, bà Trần Thị T là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Thanh H; Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 83/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm, ông Đỗ Thanh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Thanh H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 83/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, 42, 47, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thanh H, bà Trần Thị T đối với bà Trần Thị T1 về việc đắp lại một phần bờ ruộng có chiều ngang 0,8m, dài 34m, cao 0,35m; Đất tọa lạc ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp phần đất ông Đỗ Thanh H đang quản lý sử dụng thửa 143;

Hướng Tây giáp phần đất bà Trần Thị T1 đang quản lý, sử dụng một phần thửa 186;

Hướng Nam giáp phần đất ông Đỗ Thanh H đang quản lý sử dụng thửa 143;

Hướng Bắc giáp đất ông Đỗ Thanh H đang quản lý sử dụng thửa 143;

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thanh H, bà Trần Thị T đối với bà Trần Thị T1 về việc tranh chấp Quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích ngang 0,6m, dài 40m; Đất tọa lạc ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp phần đất ông Đỗ Thanh H đang quản lý sử dụng không tranh chấp (thửa 145 và thửa 562);

Hướng Tây giáp phần đất bà Trần Thị T1 đang quản lý, sử dụng thửa 146;

Hướng Nam giáp phần đất bà Trần Thị T1 đang quản lý thuộc một phần thửa 186;

Hướng Bắc giáp đất ông H đang sử dụng thửa 145.

3. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T1 không phải chịu. Ông H, bà T phải chịu số tiền án phí là 600.000 đồng. Ông H, bà T đã nộp tạm ứng án phí 600.000 đồng, theo các Biên lai số 0013366 ngày 23 tháng 01 năm 2021, Biên lai số 0013522 ngày 02/5/2019 được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Đỗ Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Ông H đã dự nộp án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi theo biên lai thu số 0001151, ngày 16/9/2022 được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án.

Về chi phí tố tụng: Ông H, bà T phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá là 1.890.000 đồng. Ông H, bà T đã nộp tạm ứng số tiền 1.890.000 đồng đã chi phí hết không được hoàn lại.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Vĩnh Lợi;
- CCTHADS huyện Vĩnh Lợi;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Khang